




Dell P2222H/P2222H WOST/P2422H/ P2422H WOST/P2722H

Màn hình

Sổ hướng dẫn sử dụng

Mẫu màn hình: P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/P2722H
Mẫu quy chuẩn: P2222Hb/P2222Ht/P2422Hb/P2422Hc/P2722Hb/P2722Ht



-  **LƯU Ý: LƯU Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.
-  **CHÚ Ý: CHÚ Ý** cho biết khả năng thiệt hại phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không tuân thủ các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO: CẢNH BÁO** cho biết khả năng bị hư hỏng tài sản, thương tật cá nhân hoặc tử vong.

Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Bảo lưu mọi bản quyền. Dell, EMC và các thương hiệu khác là các thương hiệu của Dell Inc. hoặc của các công ty con liên quan. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các đơn vị sở hữu liên quan.

2021 – 09

Bản sửa đổi A01



Mục lục

| | |
|---|-----------|
| Hướng dẫn an toàn | 6 |
| Giới thiệu về màn hình | 7 |
| Phụ kiện đóng gói | 7 |
| Tính năng sản phẩm | 9 |
| Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển | 11 |
| Mặt trước | 11 |
| Mặt sau | 12 |
| Mặt dưới | 13 |
| Thông số kỹ thuật màn hình | 14 |
| Thông số kỹ thuật độ phân giải | 20 |
| Chế độ video hỗ trợ | 20 |
| Chế độ hiển thị cài sẵn | 21 |
| Đặc tính vật lý | 25 |
| Đặc tính môi trường | 30 |
| Cách gán chân cắm | 32 |
| Đầu cắm VGA | 32 |
| Cổng cắm DisplayPort | 33 |
| Đầu cắm HDMI | 34 |
| Giao diện buýt nối tiếp đa năng (USB) | 35 |
| Tính năng Cắm Là Chạy | 36 |
| Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD | 37 |
| Hướng dẫn bảo dưỡng | 37 |
| Vệ sinh màn hình | 37 |



| | |
|---|-----------|
| Lắp đặt màn hình | 38 |
| Cắm giá đỡ | 38 |
| Kết nối màn hình | 41 |
| Cắm cáp DisplayPort và USB | 41 |
| Cắm cáp HDMI (tùy chọn) | 42 |
| Kết nối cáp VGA (tùy chọn) | 42 |
| Bộ trí các loại cáp | 43 |
| Tháo giá đỡ | 44 |
| Giá treo tường (tùy chọn) | 45 |
| Sử dụng màn hình | 46 |
| Bật nguồn màn hình | 46 |
| Sử dụng nút điều hướng | 46 |
| Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD) | 47 |
| Truy cập Trình khởi chạy menu | 47 |
| Sử dụng các phím điều hướng | 48 |
| Truy cập menu OSD | 49 |
| Khoá nút menu và nguồn | 62 |
| Thông tin cảnh báo OSD | 65 |
| Cài đặt độ phân giải tối đa | 69 |
| Sử dụng các tính năng nghiêng, quay và kéo dài chiều đọc | 70 |
| Nghiêng, xoay. | 70 |
| Kéo dài chiều dọc | 71 |
| Xoay màn hình | 71 |
| Xoay theo chiều kim đồng hồ | 72 |
| Xoay ngược chiều kim đồng hồ | 72 |



Điều chỉnh các cài đặt màn hình xoay cho hệ thống của bạn . . . 73

Khắc phục sự cố 74

Tự kiểm tra. 74

Chẩn đoán tích hợp 76

Các sự cố thường gặp 78

Sự cố liên quan đến sản phẩm 81

Sự cố liên quan đến Buýt Nối tiếp Đa năng (USB) 82

Phụ lục. 83

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác 83


Liên hệ với Dell 83


Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm 83



Hướng dẫn an toàn

Sử dụng các hướng dẫn an toàn sau đây để bảo vệ màn hình khỏi thiệt hại tiềm ẩn và để đảm bảo an toàn cho cá nhân bạn. Trừ khi có ghi chú khác, mỗi quy trình có trong tài liệu này cho rằng bạn đã đọc thông tin an toàn gửi kèm theo màn hình.

 **Trước khi sử dụng màn hình, hãy đọc thông tin an toàn được gửi kèm theo màn hình cũng như được in trên sản phẩm. Lưu giữ tài liệu ở nơi an toàn để tham khảo sau này.**

 **CHÚ Ý: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.**

- Đặt màn hình trên bề mặt chắc chắn và cầm giữ cẩn thận. Màn hình dễ vỡ và có thể bị hỏng nếu bị rơi hoặc va chạm với vật nhọn.
- Luôn đảm bảo rằng màn hình được phân loại về điện để hoạt động với nguồn AC có sẵn tại khu vực của bạn.
- Đặt màn hình trong môi trường nhiệt độ phòng. Điều kiện lạnh hoặc nóng quá mức có thể có ảnh hưởng xấu đến tinh thể lỏng của màn hình.
- Cắm cáp nguồn từ màn hình vào ổ cắm trên tường gần kề và dễ tiếp cận. Xem [Kết nối màn hình](#).
- Không đặt và sử dụng màn hình trên bề mặt ẩm ướt hoặc gần nước.
- Không đặt màn hình ở nơi bị rung động hoặc tạc động mạnh. Ví dụ: không đặt màn hình bên trong cốp xe ô tô.
- Rút phích cắm màn hình khi không sử dụng trong một thời gian dài.
- Để tránh bị điện giật, không thử tháo bất kỳ nắp đậy nào hoặc chạm vào bên trong màn hình.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng. Giữ lại giấy tờ này để tham khảo trong tương lai. Làm theo các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
- Các áp suất âm thanh quá mức từ tai nghe có thể làm mất thính giác. Điều chỉnh bộ hiệu chỉnh để tăng tối đa lượng điện áp ra của tai nghe, dẫn đến tăng mức áp suất âm thanh.
- Thiết bị có thể được gắn trên tường hoặc giá treo trần nhà ở vị trí nằm ngang.







Giới thiệu về màn hình

Phụ kiện đóng gói

Màn hình của bạn có kèm theo các phụ kiện được nêu trong bảng dưới đây. Nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào, hãy liên hệ với Dell. Để biết thêm thông tin, xem [Liên hệ với Dell](#).

📌 LƯU Ý: Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

| | |
|---|---|
|  | Màn hình |
|  | Giá đỡ |
|  | Chân đế |
|  | Cáp nguồn (khác nhau tùy theo mỗi quốc gia) |



| | |
|---|--|
|  | <p>Cáp DisplayPort 1.2</p> |
|  | <p>Cáp VGA (chỉ Nhật Bản)</p> |
|  | <p>Cáp HDMI 1.4 (Chỉ Brazil)</p> |
|  | <p>Cáp USB 3.0 truyền lên (kích hoạt các cổng USB trên màn hình)</p> |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn, môi trường và quy định |




Tính năng sản phẩm

Màn hình Dell P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/P2722H là màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động, bóng bán dẫn màng mỏng (TFT) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- P2222H/P2222H WOST: hiển thị vùng xem 54,61 cm (21,5 inch) (đo theo đường chéo).
- P2422H/P2422H WOST: hiển thị vùng xem 60,47 cm (23,8 inch) (đo theo đường chéo).
- P2722H: hiển thị vùng xem 68,60 cm (27 inch) (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 1920 x 1080, cùng khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Gam màu 99% sRGB.
- Kết nối kỹ thuật số với cổng cắm DisplayPort và HDMI.
- Trang bị 1 cổng USB truyền lên và 4 cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1)
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi máy tính.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khóa nút nguồn và nút điều hướng.
- Giá đỡ rời và lỗ lắp giá treo 100mm tương thích chuẩn Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) cho các giải pháp lắp đặt linh động.
- Khả năng chỉnh nghiêng, xoay, chỉnh chiều cao và chỉnh quay.
- Khe khóa an toàn.
- Khóa chân đế.
- Nguồn điện chờ ≤0,3 W khi ở Chế độ chờ.
- Hỗ trợ Trình quản lý màn hình Dell
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt nhờ màn hình chống nháy và tính năng giảm thiểu ánh sáng xanh.
- Màn hình sử dụng tấm nền ánh sáng xanh thấp và tuân thủ (Giải pháp phân cứng) của TÜV Rheinland ở mẫu màn hình cài đặt mặc định/cài lại về giá trị gốc (Preset Modes (Chế độ cài sẵn): Standard (Chuẩn)).

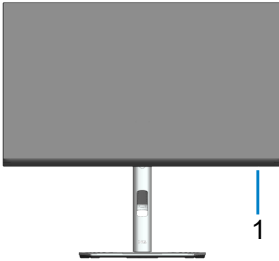


 **CẢNH BÁO:** Tác hại lâu dài tiềm ẩn của việc phát xạ ánh sáng xanh từ màn hình có thể gây tổn thương mắt, bao gồm mỏi mắt, căng mắt kỹ thuật số,... Tính năng ComfortView Plus được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình nhằm giúp mắt thoải mái tối ưu.



Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



| Nhãn | Mô tả |
|------|--|
| 1 | Đèn báo LED nguồn Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế độ chờ. |



Mặt sau

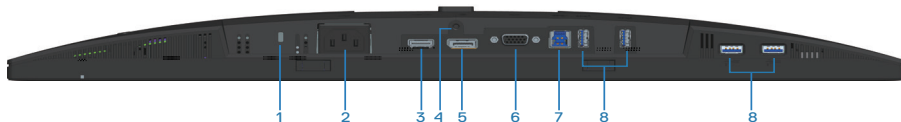


Mặt sau với giá đỡ màn hình


| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|--|---|
| 1 | Các lỗ lắp đặt theo chuẩn VESA (100 mm x 100 mm - nằm sau nắp đậy VESA đã lắp) | Lắp màn hình lên tường bằng bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA (100 mm x 100 mm). |
| 2 | Nhãn quy định | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. |
| 3 | Nút nhả giá đỡ | Nhả giá đỡ khỏi màn hình. |
| 4 | Mã vạch, số serial và nhãn Thẻ bảo hành | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. |
| 5 | Nút (Bật/Tắt) nguồn | Để bật hoặc tắt màn hình. |
| 6 | Nút chuyển hướng | Sử dụng để điều khiển menu OSD. (Để biết thêm thông tin, hãy xem Sử dụng màn hình) |
| 7 | Khe quản lý cáp | Dùng để sắp xếp cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này. |



Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---|--|
| 1 | Khe khóa an toàn | Bảo vệ màn hình của bạn bằng khóa an toàn (mua riêng) để tránh di chuyển trái phép màn hình. |
| 2 | Giắc cắm điện | Kết nối cáp nguồn (gửi kèm màn hình). |
| 3 | Cổng HDMI | Kết nối máy tính của bạn bằng cáp HDMI (được gửi kèm theo màn hình, chỉ áp dụng cho thị trường Brazil). |
| 4 | Khóa giá đỡ | Đề khóa giá đỡ vào màn hình bằng vít M3 x 6 mm (không bán kèm màn hình). |
| 5 | DisplayPort | Kết nối máy tính của bạn bằng cáp DisplayPort (được gửi kèm theo màn hình). |
| 6 | Đầu cắm VGA | Kết nối máy tính của bạn bằng cáp VGA (được gửi kèm theo màn hình, chỉ áp dụng cho thị trường Nhật). |
| 7 | Cổng USB 3.0 truyền lên | Cắm cáp USB (được gửi kèm theo màn hình) từ cổng này vào máy tính của bạn để kích hoạt các cổng USB trên màn hình. |
| 8 | Cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) Type-A truyền xuống (4) | Kết nối các thiết bị USB. *  LƯU Ý: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối màn hình với máy tính bằng cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình). |

*Để tránh nhiễu tín hiệu, khi đã cắm thiết bị USB không dây vào cổng USB truyền xuống, bạn KHÔNG nên cắm bất kỳ thiết bị USB nào khác vào (các) cổng liền kề.



Thông số kỹ thuật màn hình

| | |
|------------------------------------|---|
| Mẫu | P2222H/P2222H WOST |
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động |
| Loại tấm nền | Công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng |
| Tỷ lệ khung hình | 16:9 |
| Hình có thể xem | |
| Chéo | 546,10 mm (21,5 inch) |
| Vùng hoạt động ngang | 476,06 mm (18,74 inch) |
| Vùng hoạt động dọc | 267,79 mm (10,54 inch) |
| Vùng | 127484,11 mm ² (197,60 in. ²) |
| Độ phân giải gốc và tốc độ làm mới | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,2480 mm x 0,2480 mm |
| Pixel/inch (PPI) | 102 |
| Góc xem | |
| Ngang | 178° (chuẩn) |
| Dọc | 178° (chuẩn) |
| Công suất độ sáng | 250 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) |
| Lớp phủ màn hình hiển thị | Xử lý chống lóa cho lớp vỏ cứng bộ phận cực phía trước (3H) |
| Đèn nền | Hệ thống đèn LED viền |
| Thời gian phản hồi | 5 ms (Chế độ nhanh) 8 ms (Chế độ thường) |
| Độ sâu màu | 16,7 triệu màu (6bit+FRC) |
| Gam màu | sRGB 99% |



| | |
|---|---|
| Kết nối | 1 cổng HDMI 1.4 (HDCP 1.4) 1 cổng DisplayPort 1.2 (HDCP 1.4) 1 cổng VGA 1 cổng USB 3.0 truyền lên 4 cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) |
| Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động) | |
| Trên | 5,60 mm |
| Trái/Phải | 5,60 mm |
| Dưới | 16,60 mm |
| Khả năng điều chỉnh | |
| Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao | 150 mm |
| Nghiêng | Từ -5° đến 21° |
| Quay | Từ -45° đến 45° |
| Xoay | Từ -90° đến 90° |
| Quản lý cáp | Có |
| Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell | Easy Arrange và các tính năng chính khác |
| Độ an toàn | Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng) |



| | |
|------------------------------------|---|
| Mẫu | P2422H/P2422H WOST |
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động |
| Loại tấm nền | Công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng |
| Tỷ lệ khung hình | 16:9 |
| Hình có thể xem | |
| Chéo | 604,70 mm (23,8 inch) |
| Vùng hoạt động ngang | 527,04 mm (20,75 inch) |
| Vùng hoạt động dọc | 296,46 mm (11,67 inch) |
| Vùng | 156246,27 mm ² (242,15 in. ²) |
| Độ phân giải gốc và tốc độ làm mới | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,2745 mm x 0,2745 mm |
| Pixel/inch (PPI) | 93 |
| Góc xem | |
| Ngang | 178° (chuẩn) |
| Dọc | 178° (chuẩn) |
| Công suất độ sáng | 250 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) |
| Lớp phủ màn hình hiển thị | Xử lý chống lóa cho lớp vỏ cứng bộ phận cực phía trước (3H) |
| Đèn nền | Hệ thống đèn LED viền |
| Thời gian phản hồi | 5 ms (Chế độ nhanh) 8 ms (Chế độ thường) |
| Độ sâu màu | 16,7 triệu màu (6bit+FRC) |
| Gam màu | sRGB 99% |



| | |
|---|---|
| Kết nối | 1 cổng HDMI 1.4 (HDCP 1.4) 1 cổng DisplayPort 1.2 (HDCP 1.4) 1 cổng VGA 1 cổng USB 3.0 truyền lên 4 cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) |
| Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động) | |
| Trên | 5,38 mm |
| Trái/Phải | 5,38 mm |
| Dưới | 16,66 mm |
| Khả năng điều chỉnh | |
| Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao | 150 mm |
| Nghiêng | Từ -5° đến 21° |
| Quay | Từ -45° đến 45° |
| Xoay | Từ -90° đến 90° |
| Quản lý cáp | Có |
| Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell | Easy Arrange và các tính năng chính khác |
| Độ an toàn | Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng) |



| | |
|------------------------------------|---|
| Mẫu | P2722H |
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động |
| Loại tấm nền | Công nghệ chuyển đổi trong mặt phẳng |
| Tỷ lệ khung hình | 16:9 |
| Hình có thể xem | |
| Chéo | 686,00 mm (27 inch) |
| Vùng hoạt động ngang | 597,89 mm (23,54 inch) |
| Vùng hoạt động dọc | 336,31 mm (13,24 inch) |
| Vùng | 201076,39 mm ² (311,67 in. ²) |
| Độ phân giải gốc và tốc độ làm mới | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,3114 mm x 0,3114 mm |
| Pixel/inch (PPI) | 82 |
| Góc xem | |
| Ngang | 178° (chuẩn) |
| Dọc | 178° (chuẩn) |
| Công suất độ sáng | 300 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) |
| Lớp phủ màn hình hiển thị | Xử lý chống lóa cho lớp vỏ cứng bộ phận cực phía trước (3H) |
| Đèn nền | Hệ thống đèn LED viền |
| Thời gian phản hồi | 5 ms (Chế độ nhanh) 8 ms (Chế độ thường) |
| Độ sâu màu | 16,7 triệu màu (6bit+FRC) |
| Gam màu | sRGB 99% |



| | |
|--|---|
| Kết nối | 1 cổng HDMI 1.4 (HDCP 1.4) 1 cổng DisplayPort 1.2 (HDCP 1.4) 1 cổng VGA 1 cổng USB 3.0 truyền lên 4 cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) |
| Độ rộng viền (từ mép màn hình đến vùng hoạt động) | |
| Trên | 5,99 mm |
| Trái/Phải | 6,01 mm |
| Dưới | 17,29 mm |
| Khả năng điều chỉnh | |
| Giá đỡ màn hình có thể điều chỉnh được độ cao | 150 mm |
| Nghiêng | Từ -5° đến 21° |
| Quay | Từ -45° đến 45° |
| Xoay | Từ -90° đến 90° |
| Quản lý cáp | Có |
| Tương thích phần mềm quản lý màn hình Dell | Easy Arrange và các tính năng chính khác |
| Độ an toàn | Khe cắm khóa an toàn (khóa cáp đặt mua riêng) |



Thông số kỹ thuật độ phân giải

| | |
|--------------------------------|--|
| Mẫu | P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/ P2722H |
| Dải quét ngang | 30 kHz - 83 kHz (tự động) |
| Dải quét dọc | 56 Hz - 76 Hz (tự động) |
| Độ phân giải cài sẵn tối đa | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |

Chế độ video hỗ trợ

| | |
|--|---|
| Mẫu | P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/P2722H |
| Tính năng hiển thị video (VGA/HDMI/DisplayPort) | 480p, 576p, 720p, 1080i, 1080p |



Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Đồng hồ điểm ảnh (MHz) | Cực đồng bộ (Ngang/ Dọc) |
|-----------------|-------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|
| 720 x 400 | 31.50 | 70.10 | 28.30 | -/+ |
| 640 x 480 | 31.50 | 59.90 | 25.20 | -/- |
| 640 x 480 | 37.50 | 75.00 | 31.50 | -/- |
| 800 x 600 | 37.90 | 60.30 | 40.00 | +/+ |
| 800 x 600 | 46.90 | 75.00 | 49.50 | +/+ |
| 1024 x 768 | 48.40 | 60.00 | 65.00 | -/- |
| 1024 x 768 | 60.00 | 75.00 | 78.80 | +/+ |
| 1152 x 864 | 67.50 | 75.00 | 108.00 | +/+ |
| 1280 x 720 | 45.00 | 59.94 | 74.25 | -/+ |
| 1280 x 720 | 56.46 | 74.78 | 95.75 | -/+ |
| 1280 x 1024 | 64.00 | 60.00 | 108.00 | +/+ |
| 1280 x 1024 | 80.00 | 75.00 | 135.00 | +/+ |
| 1600 x 900-R | 60.00 | 60.00 | 108.00 | +/+ |
| 1920 x 1080 | 67.50 | 60.00 | 148.50 | +/+ |



Thông số kỹ thuật điện

| | |
|--|---|
| Mẫu | P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/ P2722H |
| Tín hiệu đầu vào video | <ul style="list-style-type: none"> • RGB analog, 0,7 vôn +/5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm • Cổng HDMI 1.4, 600 mV cho từng đường truyền khác biệt với trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt • Cổng DisplayPort 1.2, 600 mV cho từng đường truyền khác biệt với trở kháng đầu vào 100 ohm trên mỗi cặp khác biệt |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC | 100 VAC đến 240 VAC/50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz/1,5 A (chuẩn) |
| Dòng điện khởi động | <p>120 V: 30 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)</p> <p>240 V: 60 A (tối đa) ở nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)</p> |
| Tiêu thụ điện P2222H/P2222H WOST | <p>0,2 W (Chế độ tắt)¹</p> <p>0,3 W (Chế độ chờ)¹</p> <p>11,8 W (Chế độ bật)¹</p> <p>46 W (Tối đa)²</p> <p>11,34 W (Pon)³</p> <p>36,14 kWh (TEC)³</p> |
| Tiêu thụ điện P2422H/P2422H WOST | <p>0,2 W (Chế độ tắt)¹</p> <p>0,3 W (Chế độ chờ)¹</p> <p>12 W (Chế độ bật)¹</p> <p>48 W (Tối đa)²</p> <p>11,55 W (Pon)³</p> <p>36,49 kWh (TEC)³</p> |



| | |
|---------------|---------------------------------|
| Tiêu thụ điện | 0,2 W (Chế độ tắt) ¹ |
| P2722H | 0,2 W (Chế độ chờ) ¹ |
| | 15 W (Chế độ bật) ¹ |
| | 55 W (Tối đa) ² |
| | 13,59 W (Pon) ³ |
| | 42,75 kWh (TEC) ³ |

¹ Như được nêu trong Quy định EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

² Cài đặt độ sáng và độ tương phản tối ưu với mức tải nguồn điện tối đa trên tất cả các cổng USB.

³ Pon: Mức tiêu thụ điện của On Mode (Chế độ bật) được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện tính theo kWh được đo bằng tham chiếu đến phương pháp thử nghiệm Energy Star.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này.

Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.





Energy Star là chương trình được quản lý bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA) và Bộ Năng lượng Mỹ (DOE) nhằm thúc đẩy hiệu quả sử dụng năng lượng.

Sản phẩm này đủ tiêu chuẩn cho ENERGY STAR trong chế độ "thiết lập mặc định", và đây là chế độ mà sẽ đạt được tiết kiệm điện.

Thay đổi cài đặt hình ảnh thiết lập mặc định hoặc bật các tính năng khác sẽ tăng lượng tiêu thụ điện mà có thể vượt qua các giới hạn cần thiết để đủ tiêu chuẩn cho đánh giá ENERGY STAR.

Để biết thêm thông tin về chương trình ENERGY STAR, xem energystar.gov.



Đặc tính vật lý

| Mẫu | P2222H | P2222H WOST |
|-------------------------------------|--|-------------|
| Loại cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm • Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm (không kèm theo cáp ngoại trừ thị trường Brazil) • Analog: Cổng D-Sub, 15 chân cắm (không kèm theo cáp, ngoại trừ thị trường Nhật Bản) • Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm | |
| Kích thước (có giá đỡ) | | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 481,99 mm (18,98 inch) | |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 364,00 mm (14,33 inch) | |
| Chiều rộng | 487,26 mm (19,18 inch) | |
| Độ dày | 179,57 mm (7,07 inch) | |
| Kích thước (không có giá đỡ) | | |
| Chiều cao | 289,99 mm (11,42 inch) | |
| Chiều rộng | 487,26 mm (19,18 inch) | |
| Độ dày | 52,15 mm (2,05 inch) | |
| Kích thước giá đỡ | | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 410,80 mm (16,17 inch) | |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 364,00 mm (14,33 inch) | |
| Chiều rộng | 245,00 mm (9,65 inch) | |
| Độ dày | 179,57 mm (7,07 inch) | |
| Để giữ | 245,00 x 173,00 mm (9,65 inch x 6,81 inch) | |



| Trọng lượng | | |
|--|---------------------------|--------------------|
| Trọng lượng có thùng đựng | 6,37 kg (14,04 lb) | 4,62 kg (10,16 lb) |
| Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 4,83 kg (10,65 lb) | - |
| Trọng lượng chưa kèm theo cụm giá đỡ và có kèm theo các loại cáp | - | 3,08 kg (6,79 lb) |
| Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp) | 2,82 kg (6,22 lb) | 2,82 kg (6,22 lb) |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ | 1,75 kg (3,86 lb) | - |
| Độ bóng khung trước | Khung đen 2-4 đơn vị bóng | |



| Mẫu | P2422H | P2422H WOST |
|-------------------------------------|--|-------------|
| Loại cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none"> Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm (không kèm theo cáp ngoại trừ thị trường Brazil) Analog: Cổng D-Sub, 15 chân cắm (không kèm theo cáp, ngoại trừ thị trường Nhật Bản) Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm | |
| Kích thước (có giá đỡ) | | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 496,11 mm (19,53 inch) | |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 364,00 mm (14,33 inch) | |
| Chiều rộng | 537,80 mm (21,17 inch) | |
| Độ dày | 179,57 mm (7,07 inch) | |
| Kích thước (không có giá đỡ) | | |
| Chiều cao | 318,50 mm (12,54 inch) | |
| Chiều rộng | 537,80 mm (21,17 inch) | |
| Độ dày | 52,15 mm (2,05 inch) | |
| Kích thước giá đỡ | | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 410,80 mm (16,17 inch) | |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 364,00 mm (14,33 inch) | |
| Chiều rộng | 245,00 mm (9,65 inch) | |
| Độ dày | 179,57 mm (7,07 inch) | |
| Để giữ | 245,00 x 173,00 mm (9,65 inch x 6,81 inch) | |



| Trọng lượng | | |
|--|---------------------------|--------------------|
| Trọng lượng có thùng đựng | 7,95 kg (17,53 lb) | 6,19 kg (13,65 lb) |
| Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 5,57 kg (12,28 lb) | - |
| Trọng lượng chưa kèm theo cụm giá đỡ và có kèm theo các loại cáp | - | 3,81 kg (8,40 lb) |
| Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp) | 3,39 kg (7,47 lb) | 3,39 kg (7,47 lb) |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ | 1,76 kg (3,88 lb) | - |
| Độ bóng khung trước | Khung đen 2-4 đơn vị bóng | |



| | |
|---|--|
| Mẫu | P2722H |
| Loại cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none"> • Kỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân cắm • Kỹ thuật số: Cổng HDMI, 19 chân cắm (không kèm theo cáp ngoại trừ thị trường Brazil) • Analog: Cổng D-Sub, 15 chân cắm (không kèm theo cáp, ngoại trừ thị trường Nhật Bản) • Buýt nối tiếp đa năng: USB, 9 chân cắm |
| Kích thước (có giá đỡ) | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 534,15 mm (21,03 inch) |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 384,15 mm (15,12 inch) |
| Chiều rộng | 609,90 mm (24,01 inch) |
| Độ dày | 190,10 mm (7,48 inch) |
| Kích thước (không có giá đỡ) | |
| Chiều cao | 359,60 mm (14,16 inch) |
| Chiều rộng | 609,90 mm (24,01 inch) |
| Độ dày | 52,15 mm (2,05 inch) |
| Kích thước giá đỡ | |
| Chiều cao (đã kéo dài) | 428,30 mm (16,68 inch) |
| Chiều cao (đã rút ngắn) | 381,50 mm (15,02 inch) |
| Chiều rộng | 268,00 mm (10,55 inch) |
| Độ dày | 190,10 mm (7,48 inch) |
| Để giữ | 268,00 x 185,00 mm (10,55 inch x 7,28 inch) |
| Trọng lượng | |
| Trọng lượng có thùng đựng | 9,31 kg (20,52 lb) |
| Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 6,77 kg (14,93 lb) |
| Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp) | 4,38 kg (9,66 lb) |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ | 1,89 kg (4,17 lb) |
| Độ bóng khung trước | Khung đen 2-4 đơn vị bóng |



Đặc tính môi trường

| | |
|--|---|
| Mẫu | P2222H/P2222H WOST/P2422H/P2422H WOST/ P2722H |
| Tiêu chuẩn phù hợp | |
| <ul style="list-style-type: none">Màn hình được chứng nhận ENERGY STAR.EPEAT Gold được đăng ký tại Mỹ. Việc đăng ký EPEAT sẽ khác nhau tùy theo từng quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết tình trạng đăng ký theo từng quốc gia.Tuân thủ quy định RoHS.TCO Certified & TCO Certified Edge.Màn hình không chứa chất BFR/PVC (không tính các loại cáp bên ngoài).Đáp ứng các tiêu chuẩn dòng điện rò rỉ NFPA 99.Mặt kính không chứa asen và chỉ tấm nền là không chứa chất thủy ngân. | |
| Nhiệt độ | |
| Sử dụng | 0°C đến 40°C (32°F đến 104°F) |
| Không sử dụng | <ul style="list-style-type: none">Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F)Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F) |
| Độ ẩm | |
| Sử dụng | 10% đến 80% (không ngưng tụ) |
| Không sử dụng | <ul style="list-style-type: none">Bảo quản ở mức 5% đến 90% (không ngưng tụ)Vận chuyển ở mức 5% đến 90% (không ngưng tụ) |
| Độ cao | |
| Sử dụng (tối đa) | 5.000 m (16.400 ft) |
| Không sử dụng (tối đa) | 12.192 m (40.000 ft) |

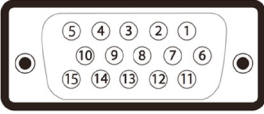


| | |
|---|---|
| Công suất tản nhiệt P2222H/P2222H WOST | <ul style="list-style-type: none"> • 157,32 BTU (đơn vị nhiệt Anh)/giờ (tối đa) • 40,36 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế độ bật) |
| Công suất tản nhiệt P2422H/P2422H WOST | <ul style="list-style-type: none"> • 164,16 BTU (đơn vị nhiệt Anh)/giờ (tối đa) • 41,04 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế độ bật) |
| Công suất tản nhiệt P2722H | <ul style="list-style-type: none"> • 188,10 BTU (đơn vị nhiệt Anh)/giờ (tối đa) • 51,30 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (Chế độ bật) |



Cách gán chân cắm

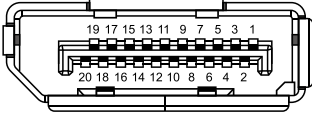
Đầu cắm VGA



| Số chân cắm | Phía 15 chân cắm của cáp tín hiệu đã kết nối |
|-------------|--|
| 1 | Video-Đỏ |
| 2 | Video-Lục |
| 3 | Video-Lam |
| 4 | Nối đất |
| 5 | Tự kiểm tra |
| 6 | Nối đất-Đỏ |
| 7 | Nối đất-Lục |
| 8 | Nối đất-Lam |
| 9 | Máy tính 5 V/3,3 V |
| 10 | Nối đất-đồng bộ |
| 11 | Nối đất |
| 12 | Dữ liệu DDC |
| 13 | Đ.bộ ngang |
| 14 | Đ.bộ dọc |
| 15 | Đồng hồ DDC |



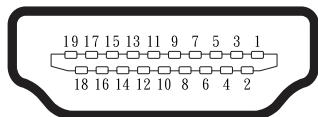
Cổng cắm DisplayPort



| Số chân cắm | Phía 20 chân cắm của cáp tín hiệu đã kết nối |
|-------------|--|
| 1 | ML3 (n) |
| 2 | Nối đất |
| 3 | ML3 (p) |
| 4 | ML2 (n) |
| 5 | Nối đất |
| 6 | ML2 (p) |
| 7 | ML1 (n) |
| 8 | Nối đất |
| 9 | ML1 (p) |
| 10 | ML0 (n) |
| 11 | Nối đất |
| 12 | ML0 (p) |
| 13 | Nối đất |
| 14 | Nối đất |
| 15 | AUX (p) |
| 16 | Nối đất |
| 17 | AUX (n) |
| 18 | Phát hiện cắm nóng |
| 19 | Bật lại nguồn |
| 20 | +3,3 V DP_PWR |



Đầu cắm HDMI



| Số chân cắm | Phía 19 chân cắm của cáp tín hiệu đã kết nối |
|-------------|--|
| 1 | DỮ LIỆU TMDS 2+ |
| 2 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2 |
| 3 | DỮ LIỆU TMDS 2- |
| 4 | DỮ LIỆU TMDS 1+ |
| 5 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1 |
| 6 | DỮ LIỆU TMDS 1- |
| 7 | DỮ LIỆU TMDS 0+ |
| 8 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0 |
| 9 | DỮ LIỆU TMDS 0- |
| 10 | ĐỒNG HỒ TMDS+ |
| 11 | MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS |
| 12 | ĐỒNG HỒ TMDS- |
| 13 | CEC |
| 14 | Dành riêng (N.C. trên thiết bị) |
| 15 | ĐỒNG HỒ DDC (SCL) |
| 16 | DỮ LIỆU DDC (SDA) |
| 17 | Tiếp đất DDC/CEC |
| 18 | NGUỒN ĐIỆN +5 V |
| 19 | PHÁT HIỆN CẮM NÓNG |



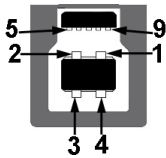
Giao diện buýt nối tiếp đa năng (USB)

Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn trên màn hình.

Cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen1)

| Tốc độ truyền | Tốc độ dữ liệu | Hỗ trợ nguồn điện tối đa (từng cổng) |
|---------------|----------------|--------------------------------------|
| Siêu tốc | 5 Gb/giây | 4,5 W |
| Tốc độ cao | 480 Mb/giây | 4,5 W |
| Tốc độ tối đa | 12 Mb/giây | 4,5 W |

Đầu cắm USB 3.0 truyền lên





| Số chân cắm | Phía đầu cắm 9 chân cắm |
|-------------|-------------------------|
| 1 | VCC |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | Nối đất |
| 5 | SSTX- |
| 6 | SSTX+ |
| 7 | Nối đất |
| 8 | SSRX- |
| 9 | SSRX+ |



Đầu cắm USB 3.2 truyền xuống



| Số chân cắm | Phía đầu cắm 9 chân cắm |
|-------------|-------------------------|
| 1 | VCC |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | Nối đất |
| 5 | SSRX- |
| 6 | SSRX+ |
| 7 | Nối đất |
| 8 | SSTX- |
| 9 | SSTX+ |

-  **LƯU Ý:** Chức năng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) yêu cầu máy tính hỗ trợ cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB 3.2 Gen1).
-  **LƯU Ý:** Các cổng USB trên màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc ở chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn tắt màn hình rồi bật lại, có thể mất vài giây để các thiết bị ngoại vi vừa kết nối trở lại hoạt động bình thường.

Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).



Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính sách Chất lượng và Điểm ảnh Màn hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/pixelguidelines.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý: Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.



Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

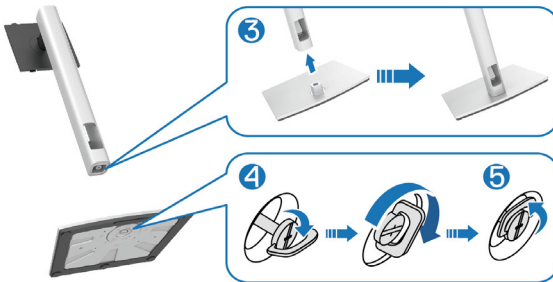
- LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
- LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.

- Thực hiện theo các hướng dẫn trên nắp đậy thùng các tông để tháo giá đỡ khỏi miếng xốp giữ chặt phía trên.
- Tháo giá đỡ và chân đế khỏi miếng xốp đóng gói.



- LƯU Ý:** Các hình đồ họa chỉ được sử dụng vì mục đích minh họa. Hình dạng miếng xốp đóng gói có thể khác nhau.

- Lắp hẳn các khối đế giữ vào khe giữ giá đỡ.
- Nâng tay vặn vít và vặn vít theo chiều kim đồng hồ.
- Sau khi siết chặt vít hoàn toàn, hãy gấp phẳng tay vặn vít vào rãnh lõm.



6. Nâng nắp đậy như hình minh họa nhằm để lộ ra vùng VESA cho bộ phận giá đỡ.

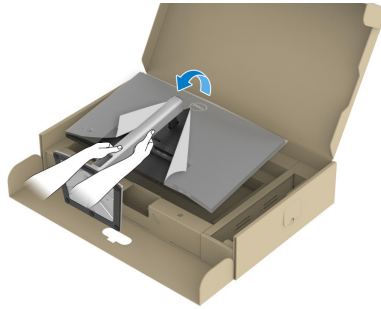


LƯU Ý: Trước khi gắn bộ phận giá đỡ vào màn hình, hãy đảm bảo nắp tấm phía trước được mở ra để có thêm không gian lắp ráp.

7. Gắn bộ phận giá đỡ vào màn hình.
 - a. Lắp khít hai then cài ở phần trên giá đỡ vào rãnh ở phía sau màn hình.
 - b. Ấn giá đỡ xuống cho đến khi khớp vào vị trí.

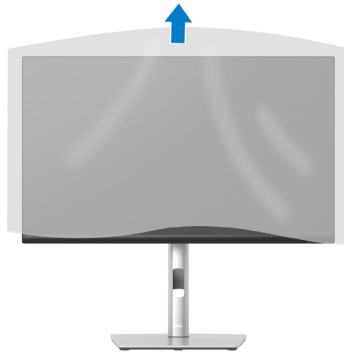


8. Giữ phần nâng giá đỡ và cẩn thận nhấc màn hình lên, sau đó đặt nó lên bề mặt bằng phẳng.



LƯU Ý: Nâng nhẹ màn hình để phòng tránh bị trượt hoặc rơi.

9. Tháo nắp đậy khỏi màn hình.



Kết nối màn hình

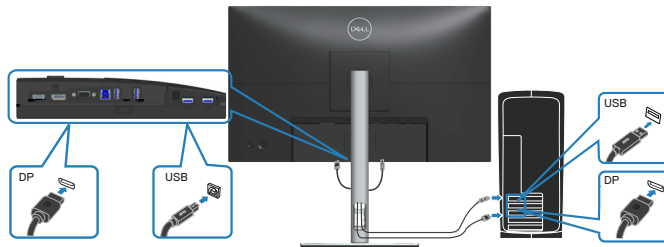
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

✎ LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào màn hình cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

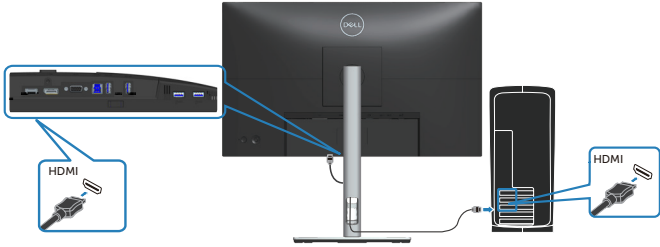
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Cắm cáp DisplayPort (được gửi kèm theo màn hình) từ màn hình vào máy tính.
3. Cắm cáp HDMI hoặc VGA (được mua tùy chọn) từ màn hình vào máy tính.
4. Cắm cáp USB truyền lên (được gửi kèm theo màn hình) vào cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính. (Xem [Mặt dưới](#) để biết thêm chi tiết.)
5. Kết nối thiết bị ngoại vi USB với các cổng USB SuperSpeed 5 Gbps (USB3.2 Gen 1) trên màn hình.

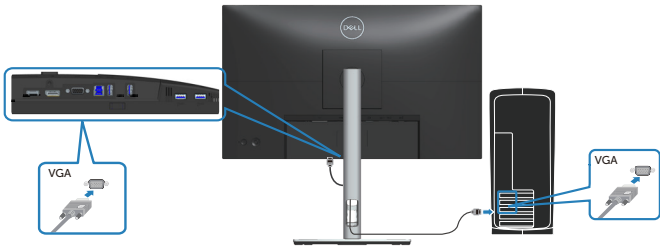
Cách cắm cáp DisplayPort và USB



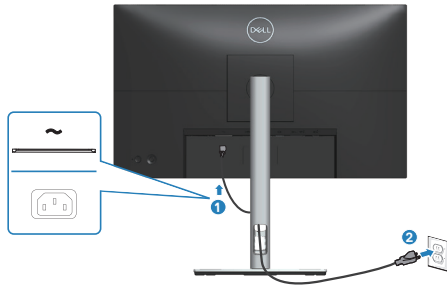
Cách cắm cáp HDMI (tùy chọn)



Kết nối cáp VGA (tùy chọn)



6. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện trên tường.

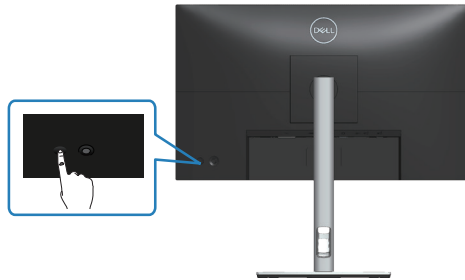


Bộ trí các loại cáp



Sử dụng khe quản lý cáp để sắp xếp cáp cắm vào màn hình.



7. Bật màn hình.



Tháo giá đỡ

-  **LƯU Ý:** Để tránh cho màn hình khỏi bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Chỉ áp dụng quy trình sau cho giá đỡ gửi kèm màn hình. Nếu bạn đang kết nối chân đế của bên thứ ba, hãy tham khảo tài liệu gửi kèm chân đế.



1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót ở cạnh của bàn.
2. Nhấn và giữ nút nhả giá đỡ ở phía sau màn hình.
3. Nhấc cụm giá đỡ lên và ra khỏi màn hình.



Giá treo tường (tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên một chiếc khăn mềm hoặc miếng đệm ở cạnh bàn làm việc.
2. Tháo giá đỡ. Xem [Tháo giá đỡ](#).
3. Tháo bốn vít siết chặt nắp đậy phía sau màn hình.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
5. Để gắn màn hình lên tường, xem tài liệu kèm theo bộ giá treo tường.



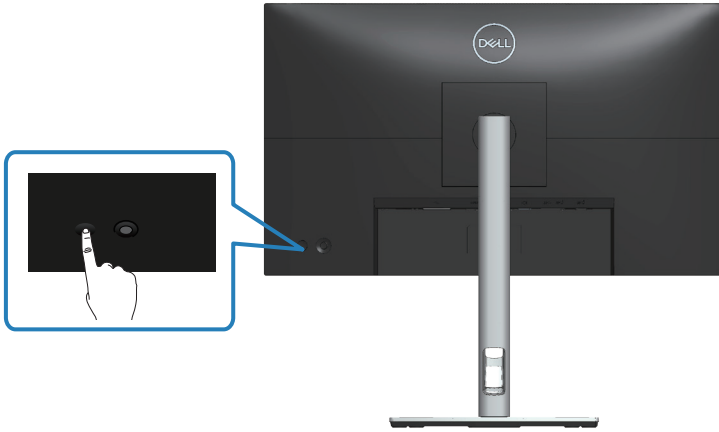
LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo tường có chứng nhận UL hoặc CSA hoặc GS với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu 11,28 kg (P2222H/P2222H WOST)/13,56 kg (P2422H/P2422H WOST)/17,52 kg (P2722H).



Sử dụng màn hình

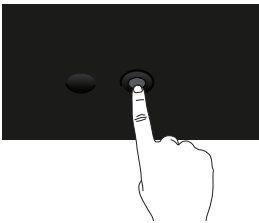
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút nguồn để bật màn hình.



Sử dụng nút điều hướng

Sử dụng nút điều hướng ở phía sau màn hình để thực hiện các điều chỉnh trên menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD).



1. Nhấn nút điều hướng để bật Menu Launcher (Trình khởi chạy menu).
2. Di chuyển nút chuyển hướng lên/xuống/sang trái/sang phải để chuyển đổi giữa các tùy chọn.
3. Nhấn lại nút điều hướng để xác nhận lựa chọn.

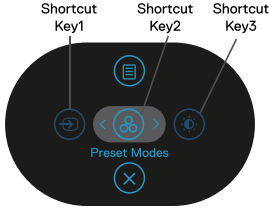


Sử dụng menu Hiển thị Trên Màn hình (OSD)






Truy cập Trình khởi chạy menu

Khi bạn chuyển đổi hoặc nhấn nút điều hướng, Trình khởi chạy menu sẽ hiển thị để cho phép bạn truy cập menu chính OSD và các chức năng phím tắt.

Để chọn một chức năng, hãy di chuyển nút điều hướng.



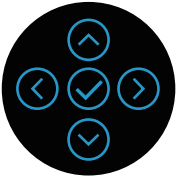
Bảng sau đây mô tả các chức năng của Trình khởi chạy menu:






| Nút chuyển hướng | Mô tả |
|--|---|
| 1  Shortcut key/Input Source (Phím tắt/ Nguồn vào) | Để chọn nguồn đầu vào từ danh sách tín hiệu video có thể được kết nối với màn hình của bạn. |
| 2  Shortcut key/Preset Modes (Phím tắt/ Chế độ cài sẵn) | Để chọn một chế độ màu ưa thích từ danh sách chế độ cài sẵn. |
| 3  Shortcut key/Brightness/Contrast (Phím tắt/Độ sáng/ Độ tương phản) | Để truy cập các thanh trượt điều chỉnh độ sáng và độ tương phản. |
| 4  Menu | Để khởi chạy menu chính Hiển thị Trên Màn hình (OSD). Xem Truy cập menu OSD . |
| 5  OK | Để thoát Trình khởi chạy menu. |



Sử dụng các phím điều hướng

Khi menu chính OSD đang hoạt động, hãy di chuyển nút điều hướng để thiết lập các cài đặt, theo các phím điều hướng hiển thị bên dưới menu OSD.



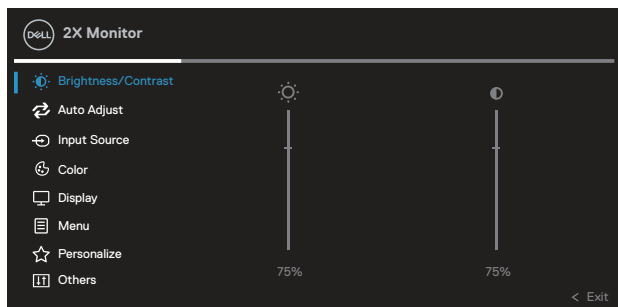
| | Nút chuyển hướng | Mô tả |
|---|--|---|
| 1 |  Lên | Sử dụng nút điều hướng Lên để chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD. |
| 2 |  Xuống | Sử dụng nút điều hướng Xuống để chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD. |
| 3 |  Trái | Đối với tất cả các mức đầu tiên trong danh sách Menu, mũi tên Trái sẽ thoát/đóng menu OSD. |
| 4 |  Phải | Đối với tất cả các mức khác, ngoại trừ mức đầu tiên trong danh sách Menu, mũi tên Phải sẽ chuyển sang mức tiếp theo. |
| 5 |  OK | Nhấn nút điều hướng để xác nhận lựa chọn của bạn. |







Truy cập menu OSD







LƯU Ý: Nếu bạn đổi cài đặt rồi truy cập menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi đó. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi cài đặt rồi chờ menu OSD biến mất.

1. Chọn biểu tượng  để bật menu OSD và hiển thị menu chính.



2. Nhấn các nút điều hướng  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Nhấn các nút điều hướng  hoặc  một lần để kích hoạt tùy chọn đã chọn.

LƯU Ý: Các nút điều hướng (và nút OK) hiển thị có thể khác nhau tùy theo menu bạn đã chọn. Sử dụng các nút có sẵn để thực hiện lựa chọn của bạn.

4. Nhấn nút điều hướng  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  rồi sử dụng các nút điều hướng  và  theo các đèn báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn  để trở về menu chính.

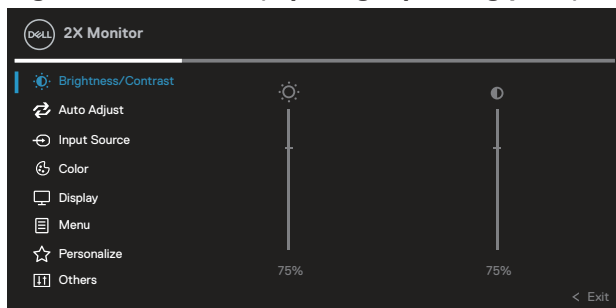


| Biểu tượng | Menu và Menu phụ | Mô tả |
|------------|------------------|-------|
|------------|------------------|-------|





Brightness/ Contrast
(Độ sáng/Độ tương phản)

Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.





Brightness (Độ sáng)

Độ sáng cho phép chỉnh độ sáng đèn nền.

Nhấn nút điều hướng  để tăng độ sáng và nhấn nút điều hướng  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100).

Contrast (Độ tương phản)

Chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước, và sau đó chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi bạn cần thực hiện thêm điều chỉnh.

Nhấn nút điều hướng  để tăng độ tương phản và nhấn nút điều hướng  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100).

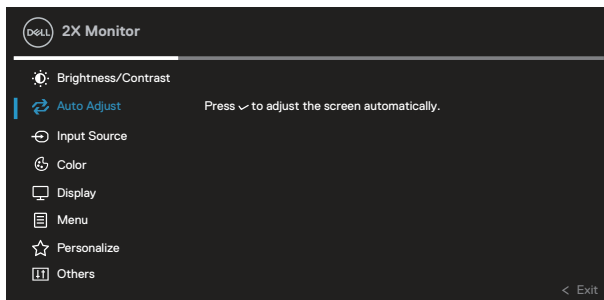
Chức năng **Độ tương phản** cho phép chỉnh mức độ khác nhau giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.





Auto Adjust (Chỉnh tự động)

Dùng menu này để kích hoạt chức năng **Auto Adjust (Chỉnh tự động)** (chỉ có sẵn cho đầu vào VGA).



Auto Adjust (Chỉnh tự động) cho phép màn hình tự điều chỉnh cho tín hiệu video vào. Sau khi sử dụng **Auto Adjust (Chỉnh tự động)**, bạn có thể tinh chỉnh thêm màn hình bằng các nút điều khiển **Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh)** (Thô) và **Phase (Pha)** (Mịn) trong **Display settings (Cài đặt màn hình)**.

LƯU Ý: Trong hầu hết các trường hợp, chức năng **Auto Adjust (Chỉnh tự động)** sẽ tạo ra hình ảnh đẹp nhất cho cấu hình của bạn.

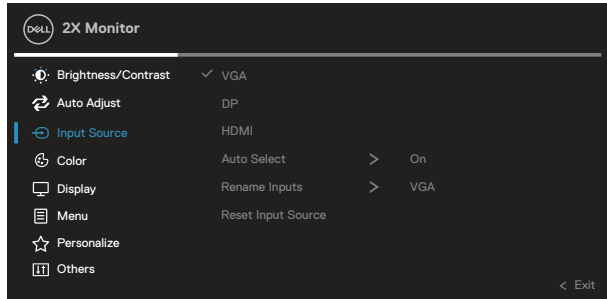
LƯU Ý: Tùy chọn **Auto Adjust (Chỉnh tự động)** chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog.





Input Source (Nguồn vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn đang sử dụng đầu cắm VGA. Nhấn để chọn nguồn vào VGA.

DP

Chọn đầu vào **DP** khi bạn đang sử dụng đầu cắm DisplayPort. Nhấn để chọn nguồn đầu vào DP.

HDMI

Chọn đầu vào **HDMI** khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI. Nhấn để chọn nguồn đầu vào HDMI.

Auto Select (Chọn tự động)

Chọn **Auto Select (Chọn tự động)** để dò các tín hiệu đầu vào khả dụng.

Rename Inputs (Đổi tên các đầu vào)

Reset Input Source (Cài lại đầu vào)

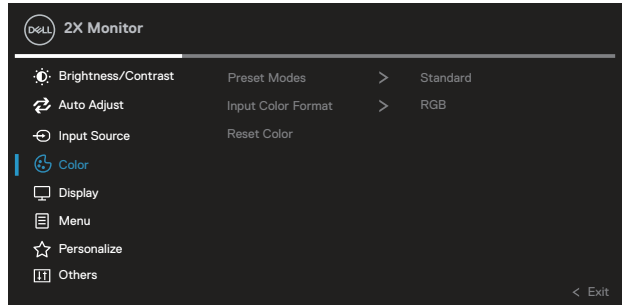
Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn vào mặc định.





Color (Màu sắc)

Dùng **Color (Màu sắc)** để điều chỉnh chế độ cài đặt màu.





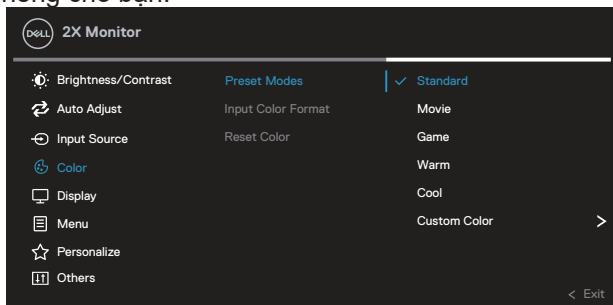
Presets Modes (Chế độ cài sẵn)

Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.

- **Standard (Chuẩn):** Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **Movie (Phim):** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- **Game:** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- **Warm (Nóng):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.
- **Cool (Nguội):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh):** Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.



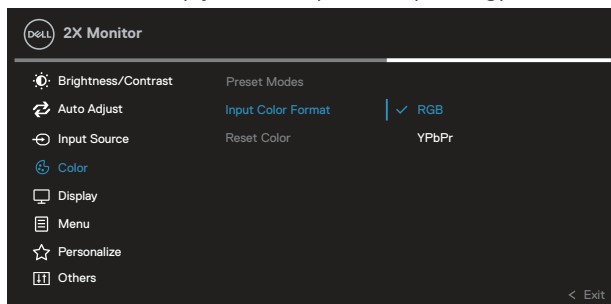
Nhấn các nút điều hướng  và  để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng cho bạn.





Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:

- **RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu đĩa DVD bằng cáp HDMI.
- **YCbCr(kỹ thuật số)/YPbPr(analog):** Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr(kỹ thuật số)/YPbPr(analog).




Hue (Tông màu)



Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu da mong muốn. Sử dụng  hoặc  để chỉnh tông màu từ 0 - 100.


Nhấn  để tăng hình dạng xanh lục của hình video.


Nhấn  để tăng hình dạng màu tím của hình video.


 **LƯU Ý: Điều chỉnh Hue (Tông màu) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).**

Saturation (Độ bão hòa)

Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Dùng  hoặc  để chỉnh tông màu từ 0 - 100.

Nhấn  để tăng hình dạng đơn sắc của hình video.

Nhấn  để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.

 **LƯU Ý: Điều chỉnh Saturation (Độ bão hòa) chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ Movie (Phim) hoặc Game (Trò chơi).**

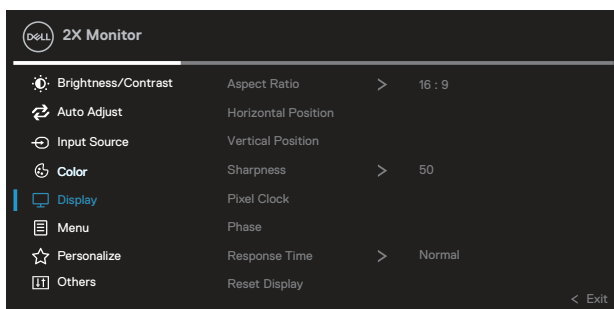
Reset Color (Cài lại màu)

Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về giá trị mặc định gốc.



Display (Hiện thị)

Sử dụng tính năng **Display (Hiện thị)** để chỉnh hình ảnh.



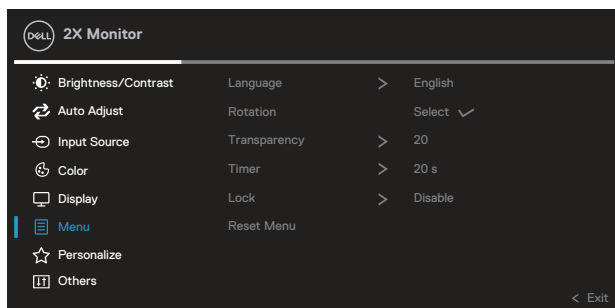
| | |
|---|--|
| Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) | Chỉnh tỷ lệ khung hình sang 16:9, 4:3 hoặc 5:4. |
| Horizontal Position (Vị trí ngang) | Sử dụng nút \odot hoặc \ominus để chỉnh hình ảnh sang trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (\ominus). Tối đa là '100' (\odot). |
| Vertical Position (Vị trí dọc) | Sử dụng nút \odot hoặc \ominus để chỉnh hình ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (\ominus). Tối đa là '100' (\odot). LƯU Ý: Các điều chỉnh Horizontal Position (Vị trí ngang) và Vertical Position (Vị trí dọc) chỉ có sẵn cho đầu vào VGA. |
| Sharpness (Độ sắc nét) | Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng \odot hoặc \ominus để chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100. |
| Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) | Các điều chỉnh Phase (Pha) và Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) cho phép bạn điều chỉnh màn hình tùy thích. Dùng nút \odot hoặc \ominus để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh đẹp nhất. |
| Phase (Pha) | Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Phase (Pha) , hãy sử dụng cách điều chỉnh Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (thô) rồi sử dụng lại Phase (Pha) (mịn). LƯU Ý: Các điều chỉnh Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) và Phase (Pha) chỉ có sẵn cho đầu vào VGA. |
| Response Time (Thời gian phản hồi) | Cho phép bạn cài Response Time (Thời gian phản hồi) sang Normal (Thường) hoặc Fast (Nhanh) . |
| Reset Display (Cài lại hiển thị) | Cài lại mọi cài đặt hiển thị về giá trị mặc định gốc. |





Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



Language (Ngôn ngữ)

Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong 8 thứ tiếng (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản thể hoặc Nhật).

Rotation (Xoay)

Xoay menu OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể chỉnh menu theo hướng xoay màn hình.

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút điều hướng và từ 0 đến 100.

Timer (Hẹn giờ)

OSD hold time (Giờ giữ menu OSD): cài thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau lần nhấn nút điều hướng gần nhất.

Sử dụng hoặc để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

Lock (Khóa)

Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Người dùng có thể chọn một trong các tùy chọn sau: Menu Buttons (Nút menu), Power Button (Nút nguồn), Menu + Power Buttons (Các nút menu + nguồn), Disable (Tắt).



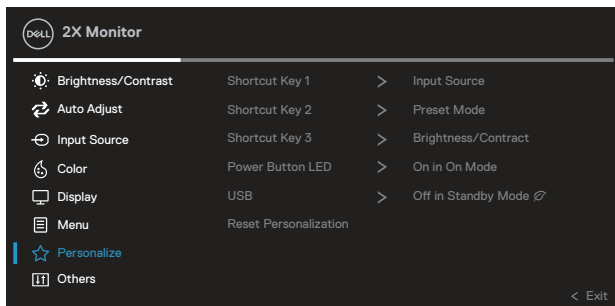
Reset Menu (Cài lại menu)

Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.



Personalize (Cá nhân hóa)

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt cá nhân.

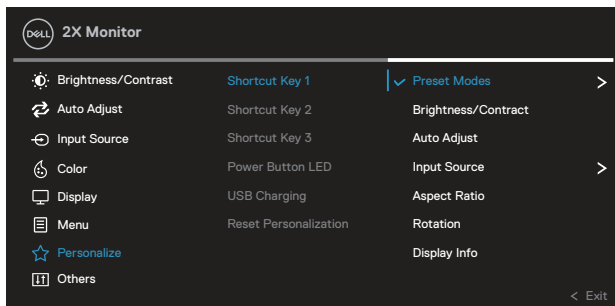


Shortcut Key (Phím tắt) 1

Shortcut Key (Phím tắt) 2

Shortcut Key (Phím tắt) 3

Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ cài sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Chỉnh tự động)**, **Input Source (Nguồn vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)**, **Rotation (Hướng xoay)**, **Display Info (Th.tin hiển thị)** và cài nó làm phím tắt.



Power Button LED (Đèn LED nút nguồn) Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang One (Bật) hoặc Off (Tắt) để tiết kiệm điện.

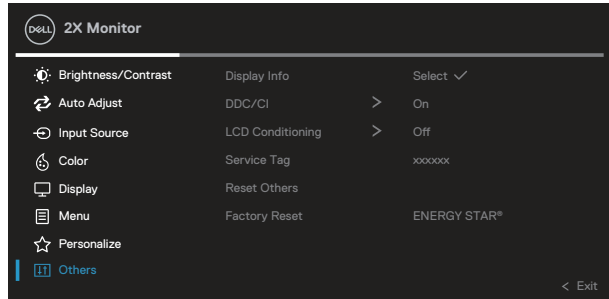
USB Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB ở chế độ chờ màn hình.

Reset Personalization (Cài lại cách cá nhân hóa) Cài lại mọi cài đặt trong menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị mặc định.



Others (Khác)

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt menu OSD, như DDC/CI, LCD conditioning (điều tiết màn hình LCD), v.v...



Display Info (Hiện thị thông tin) Hiện thị các cài đặt hiện tại của màn hình.

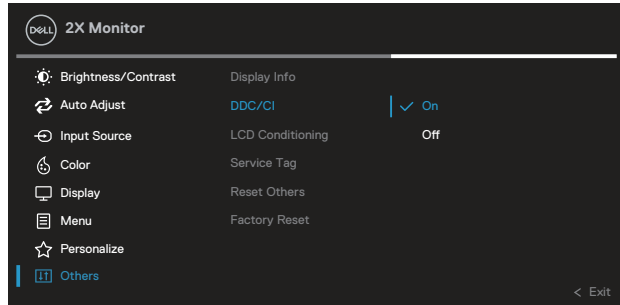


DDC/CI

DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính.

Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.

Bật tính năng này bằng cách chọn bật cho trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu suất tối ưu của màn hình.



LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn On (Bật).

Service Tag (Thẻ dịch vụ)

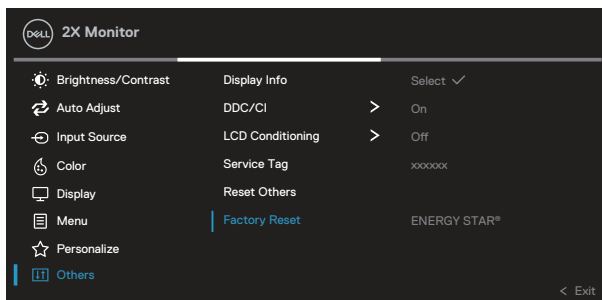
Hiển thị số thẻ dịch vụ của màn hình. Thẻ dịch vụ là mã nhận dạng chữ số duy nhất cho phép Dell xác định thông số sản phẩm và truy cập thông tin bảo hành.

 **LƯU Ý:** Thẻ dịch vụ cũng được in trên một chiếc nhãn nằm ở phía sau phần nắp.



Reset Others (Cài lại tùy chọn khác) Cài lại mọi cài đặt trong các menu cài đặt khác về giá trị cài đặt gốc.

Factory Reset (Cài về mặc định gốc) Khôi phục tất cả các giá trị cài sẵn về cài đặt thiết lập mặc định.
Đây cũng là các cài đặt cho các bài kiểm tra của ENERGY STAR®.



LƯU Ý: Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.



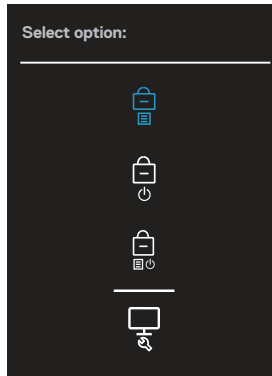
Khoá nút menu và nguồn

Ngăn người dùng truy cập hoặc thay đổi các cài đặt menu OSD trên màn hình. Theo mặc định, cài đặt khóa nút Menu và Nguồn sẽ bị tắt.



Để truy cập menu nút khóa, hãy nhấn giữ các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải trong 4 giây. Menu khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.

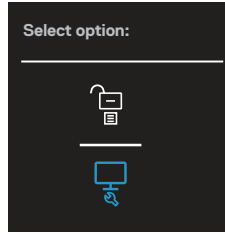
LƯU Ý: Bạn có thể vào menu khóa bằng cách này khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái mở khóa.







Để truy cập menu mở khóa, hãy nhấn giữ các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải trong 4 giây. Menu mở khóa sẽ xuất hiện ở góc phải phía dưới màn hình.

LƯU Ý: Bạn có thể vào menu mở khóa khi các nút Menu và Nguồn ở trạng thái bị khóa..






Có ba tùy chọn khóa.

| | Menu | Mô tả |
|---|--|---|
| 1 | Menu Buttons (Các nút Menu)  | Khi chọn Menu Buttons (Các nút menu) , bạn không thể đổi các cài đặt menu OSD. Tất cả các nút bị khóa trừ nút Nguồn. |
| 2 | Power Button (Nút Nguồn)  | Khi chọn Power Button (Nút nguồn) , bạn không thể tắt màn hình bằng nút nguồn. |
| 3 | Menu + Power Buttons (Các nút menu + nguồn)  | Khi chọn Menu + Power Buttons (Các nút menu + nguồn) , bạn không thể đổi các cài đặt menu OSD và nút nguồn sẽ bị khóa. |
| 4 | Chẩn đoán tích hợp  | Xem Chẩn đoán tích hợp để biết thêm thông tin. |


 **LƯU Ý:** Để truy cập menu Lock (Khóa) hoặc Unlock (Mở khóa) - Hãy nhấn giữ các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải trong 4 giây.



Trong các trường hợp sau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở giữa màn hình:

- Khi nhấn các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải. Điều này cho biết các nút menu OSD đang ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn nút nguồn. Điều này cho biết nút Nguồn ở trạng thái khóa.
- Khi nhấn nút nguồn hoặc các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải. Điều này cho biết các nút menu OSD và nút Nguồn ở trạng thái khóa.

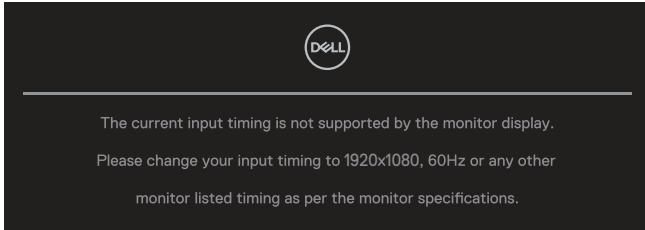
Mở khóa nút menu OSD và nút Nguồn:

1. Nhấn giữ các nút điều hướng Lên/Xuống hoặc Trái/Phải trong 4 giây. Menu mở khóa sẽ hiển thị.
2. Chọn biểu mở khóa  để mở khóa các nút trên màn hình.




Thông tin cảnh báo OSD

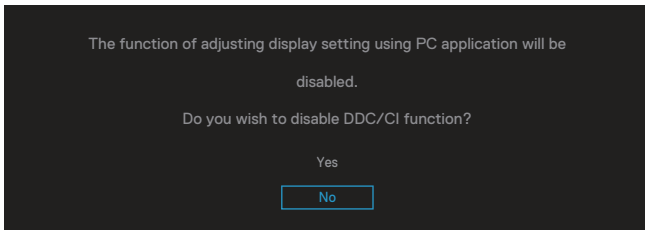
Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải đặc biệt, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



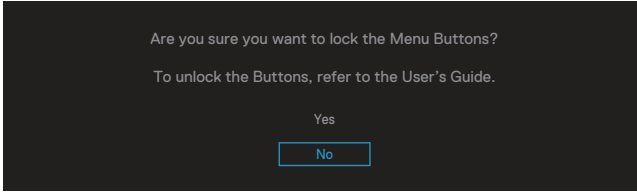
Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết dải tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) thích hợp cho màn hình này. Chế độ khuyên dùng là **1920 x 1080**.

 **LƯU Ý:** Thông báo có thể hơi khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào đã kết nối.

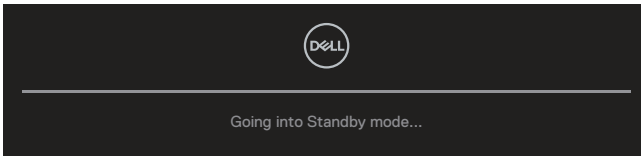
Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau đây trước khi tắt chức năng **DDC/CI**:



Bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau trước khi kích hoạt chức năng **Lock (Khóa)**:



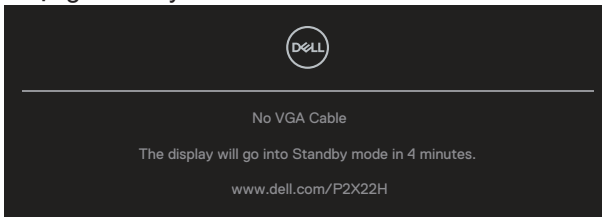
Khi màn hình chuyển sang chế độ tiết kiệm điện, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



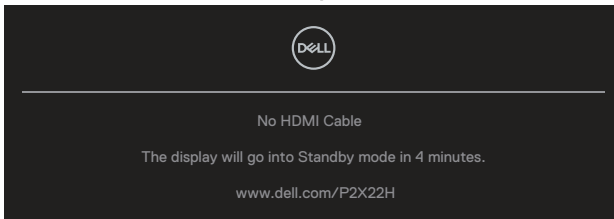
Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập menu OSD.

LƯU Ý: Thông báo có thể hơi khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào đã kết nối.

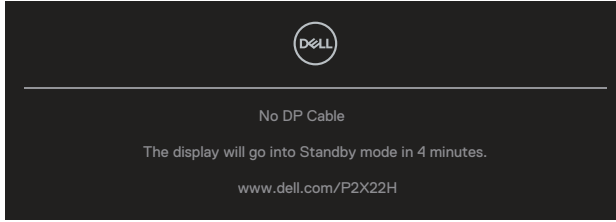
Nếu chưa cắm cáp VGA, HDMI hoặc DP, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào Standby Mode (Chế độ chờ) sau 4 phút nếu vẫn còn ở trạng thái này.



hoặc



hoặc



LƯU Ý: Thông báo có thể hơi khác nhau tùy theo tín hiệu đầu vào đã kết nối.

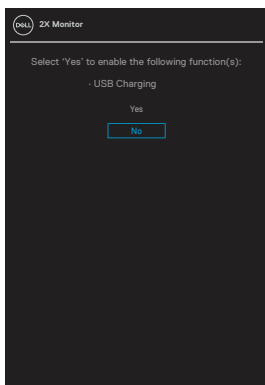
Hộp thông báo cảnh báo nguồn dưới đây sẽ áp dụng cho các chức năng **Brightness (Độ sáng)** cho lần đầu khi người dùng điều chỉnh mức độ sáng cao hơn mức mặc định.



Khi chọn **Factory Reset (Cài về mặc định gốc)**, thông báo sau sẽ hiển thị:



Khi bạn chọn “Yes (Có)” để cài lại về giá trị mặc định, thông báo sau sẽ hiển thị:



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.



Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp danh sách sổ xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

In Windows® 10:

1. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Display settings (Cài đặt màn hình)**.
2. Nhấp **Advanced display settings (Cài đặt màn hình nâng cao)**.
3. Nhấp danh sách sổ xuống của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không nhìn thấy **1920 x 1080** như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập Thẻ dịch vụ máy tính của bạn và tải về trình điều khiển mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải xuống các driver đồ họa mới nhất.

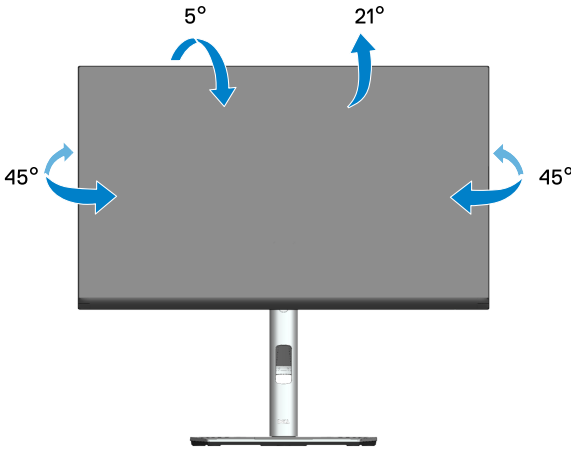


Sử dụng các tính năng nghiêng, quay và kéo dài chiều dọc

LƯU Ý: Các hướng dẫn sau đây chỉ áp dụng cho quy trình gắn giá đỡ được gửi kèm theo màn hình. Nếu bạn đang gắn giá đỡ đã mua từ bất kỳ nguồn nào khác, hãy thực hiện theo hướng dẫn lắp đặt kèm theo giá đỡ.

Nghiêng, xoay

Khi lắp giá đỡ vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc xem thuận lợi nhất.

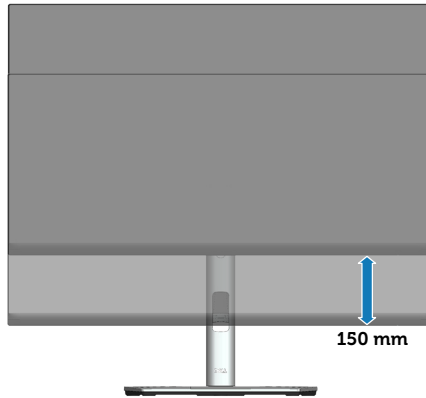


LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



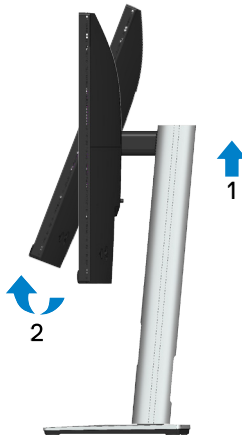
Kéo dài chiều dọc

 **LƯU Ý:** Chân đế này có thể được kéo dài theo chiều dọc lên tới 150 mm.

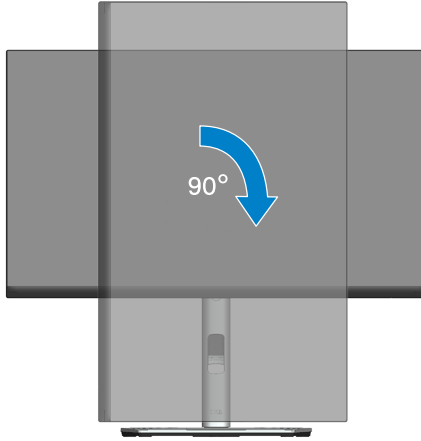


Xoay màn hình

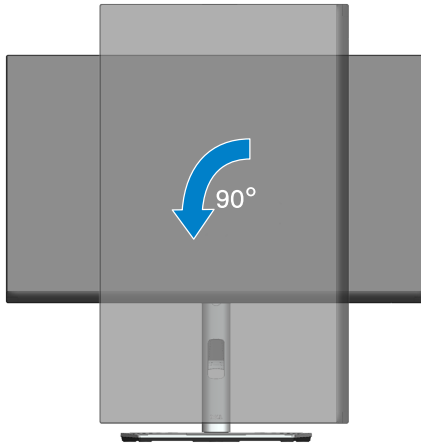
Trước khi bạn xoay màn hình, màn hình phải được mở rộng tối đa theo hướng thẳng (Mở rộng thẳng) và đặt nghiêng hướng lên để tránh chạm mép dưới màn hình.





Xoay theo chiều kim đồng hồ



Xoay ngược chiều kim đồng hồ




-  **LƯU Ý:** Để sử dụng chức năng Xoay màn hình (Xem Ngang so với Dọc) với máy tính Dell, bạn cần cập nhật driver đồ họa vốn không kèm theo màn hình này. Để tải xuống driver cho card đồ họa, hãy truy cập www.dell.com/support và tìm mục Download (Tải xuống) để xem các driver qua video về cách cập nhật driver mới nhất.
-  **LƯU Ý:** Khi ở Chế độ xem dọc, bạn có thể gặp phải tình trạng giảm hiệu suất trong các ứng dụng dùng nhiều đồ họa (như chơi game 3D, v.v...).




Điều chỉnh các cài đặt màn hình xoay cho hệ thống của bạn

Sau khi xoay màn hình, cần phải hoàn thiện quy trình dưới đây để điều chỉnh Cài đặt màn hình xoay trên hệ thống.

 **LƯU Ý:** Nếu đang sử dụng màn hình kết nối với máy tính không phải của Dell, bạn cần truy cập trang web về driver cho card đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính đó để biết thông tin về cách xoay “các nội dung” trên màn hình.

Để điều chỉnh Cài đặt màn hình xoay:

1. Nhấp chuột trái lên màn hình nên máy tính và chọn **Properties (Thuộc tính)**.
2. Chọn thẻ **Settings (Cài đặt)** và nhấp **Advanced (Nâng cao)**.
3. Nếu bạn sử dụng card đồ họa ATI, hãy chọn thẻ **Rotation (Hướng xoay)** và thiết lập hướng xoay mong muốn.
4. Nếu bạn sử dụng card đồ họa NVIDIA, hãy nhấp thẻ **NVIDIA** ở cột bên trái, chọn **NVRotate** và chọn hướng xoay mong muốn.
5. Nếu bạn sử dụng card đồ họa Intel®, hãy chọn thẻ **Intel graphics (Đồ họa Intel)**, nhấp **Graphic Properties (Thuộc tính đồ họa)**, chọn thẻ **Rotation (Hướng xoay)** và thiết lập hướng xoay mong muốn.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn rotation (hướng xoay) hoặc nó không hoạt động thích hợp, hãy truy cập www.dell.com/support và tải xuống driver mới nhất cho card đồ họa hiện hành.



Khắc phục sự cố

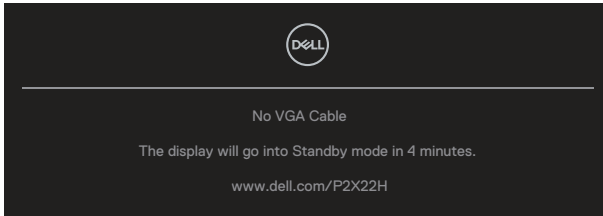
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

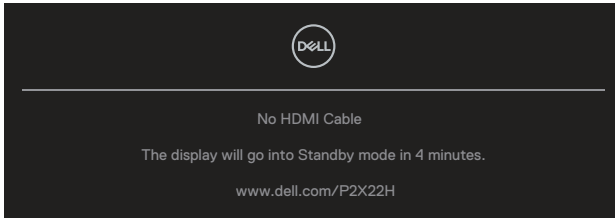
Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi loại cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (trên phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận dạng tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động thích hợp. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.

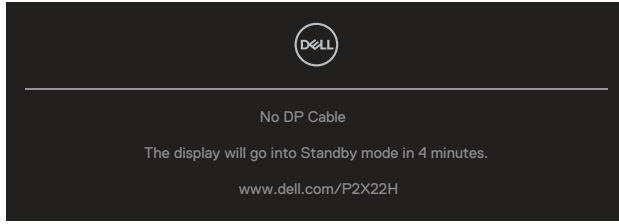


hoặc



hoặc





4. Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình. Nếu màn hình vẫn trống sau khi áp dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn vẫn đang hoạt động thích hợp.

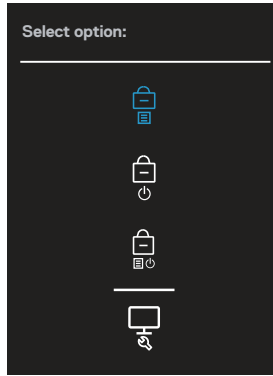



Chẩn đoán tích hợp

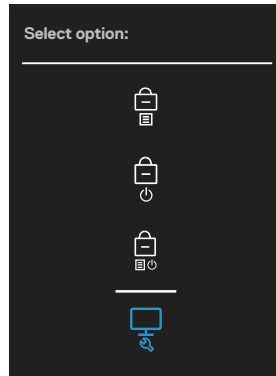
Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

Để chạy công cụ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Di chuyển và giữ các nút điều hướng lên/xuống/trái/phải khoảng 4 giây cho đến khi hiển thị menu bật lên.



3. Di chuyển nút điều hướng để chọn biểu tượng Diagnostic (Chẩn đoán) , sau đó nhấn lại nút điều hướng để xác nhận. Mẫu thử màu xám sẽ xuất hiện.



4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn nút chuyển hướng để thay đổi các kiểu kiểm tra.
6. Lặp lại bước 4 và 5 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu đỏ, lục, lam, đen, trắng và kiểu văn bản.
7. Nhấn nút điều hướng để kết thúc chương trình chẩn đoán.



Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Triệu chứng thường gặp | Giải pháp khả thi |
|--|--|
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt | <p>Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.• Đảm bảo chọn đúng nguồn tín hiệu vào qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật | <ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo chọn đúng nguồn tín hiệu vào qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Lấy nét kém | <ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp. |
| Video rung/chập chờn | <ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác. |



| | |
|-------------------|---|
| Thiếu điểm ảnh | <ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines. |
| Điểm ảnh bị dính | <ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Del, xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/pixelguidelines. |
| Sự cố độ sáng | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD. |
| Méo hình | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD. |
| Đường ngang/ dọc | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Sự cố đồng bộ hóa | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chồng lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn. |



| | |
|---|---|
| Sự cố liên quan đến an toàn | <ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell. |
| Sự cố gián đoạn | <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Thiếu màu sắc | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem các chân cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu nối cáp video hay không. |
| Màu sắc không đúng | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. • Thử các Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). Chính giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Đổi tùy chọn Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YCbCr (kỹ thuật số)/YPbPr (analog) trên menu OSD cài đặt Color (Màu sắc). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình để tự tắt sau vài phút ở chế độ chờ. Có thể điều chỉnh tính năng này trong cài đặt Windows Power Options hoặc Mac Energy Saver. • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động. |
| Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi tùy chọn Response Time (Thời gian phản hồi) trên menu OSD Display (Hiển thị) sang Normal (Thường) hoặc Fast (Nhanh) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn. |



Sự cố liên quan đến sản phẩm

| Triệu chứng cụ thể | Giải pháp khả thi |
|--|--|
| Ảnh màn hình quá nhỏ | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trên menu OSD cài đặt Display (Hiển thị).• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài về mặc định gốc)). |
| Không thể điều chỉnh màn hình bằng nút điều hướng | <ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, hãy di chuyển và giữ các nút điều hướng lên/xuống/trái/phải trong 4 giây để mở khóa (để biết thêm thông tin, xem Khoá nút menu và nguồn). |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở Chế độ chờ bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.• Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình | <ul style="list-style-type: none">• Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |



Sự cố liên quan đến Buýt Nối tiếp Đa năng (USB)

| Triệu chứng cụ thể | Giải pháp khả thi |
|--|---|
| Giao diện USB hiện không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem màn hình đã được bật hay chưa.• Cắm lại cáp truyền lên vào máy tính.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu cắm truyền lên).• Tắt màn hình rồi bật lại.• Khởi động lại máy tính• Một số thiết bị USB như ổ cứng di động cần sử dụng nguồn điện có công suất cao hơn; hãy kết nối trực tiếp ổ đĩa với máy tính. |
| Giao diện USB SuperSpeed 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) có tốc độ chậm | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy tính của bạn có tương thích với chuẩn USB SuperSpeed 5 Gbps (USB 3.2 Gen1) hay không.• Một số máy tính có các cổng USB 3.2, USB 2.0 và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng cổng USB thích hợp.• Cắm lại cáp truyền lên vào máy tính.• Kết nối lại các thiết bị ngoại vi USB (đầu cắm truyền lên).• Khởi động lại máy tính |
| Các thiết bị ngoại vi USB không dây sẽ dừng hoạt động khi cắm thiết bị USB 3.2 vào | <ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.2 và bộ thu USB không dây.• Đặt bộ thu USB không dây càng gần càng tốt so với các thiết bị ngoại vi USB không dây.• Sử dụng cáp mở rộng USB để đặt bộ thu USB không dây càng xa càng tốt so với cổng USB 3.2. |



Phụ lục

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy tham khảo **Thông tin về An toàn, Môi trường và Quy định (SERI)**.

Thông báo FCC (chỉ áp dụng ở Mỹ) và thông tin quy định khác

Để xem các thông báo FCC và thông tin quy định khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

✍ LƯU Ý: Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — www.dell.com/support/monitors
- Liên hệ Dell — www.dell.com/contactdell

Cơ sở dữ liệu sản phẩm của EU về nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

P2222H: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/549695>

P2422H: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/550826>

P2722H: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/545529>

P2222H WOST: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/562066>

P2422H WOST: <https://eprel.ec.europa.eu/qr/562073>

